TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG RIỀNG
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **454**/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 22 - 8 - 2024
V/v: Tranh chấp ly hôn và nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Hồ Ngọc Luân
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Hoàng Nam
Bà Nguyễn Thị Cẩm Bình

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung – Thư ký Toà án nhân dân huyện Giồng Riềng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Trần Thúy An – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 782/2023/TLST - HNGĐ, ngày 21tháng 11 năm 2023 về tranh chấp "Ly hôn và nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 257/2024/QĐXX-ST, ngày 19 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1980 (có đơn xét xử vắng).
Địa chỉ: Ấp T, xã L, huyện G, tỉnh Kiên Giang.
- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1976 (vắng mặt).
Địa chỉ: Ấp N, xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 10/11/2023 nguyên đơn chị Nguyễn Ngọc H trình bày: Chị Nguyễn Ngọc H và anh Nguyễn Văn T tự tìm hiểu, tự chung sống với nhau vào năm 1999, không có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang. Quá trình hôn nhân giữa chị và anh T hạnh phúc được thời gian đầu thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn anh T sinh tật ăn chơi, gái gú không lo làm ăn, dù chị có khuyên nhủ anh T vẫn

không thay đổi. Nay chị H xét thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị H xác định có hai người con chung Nguyễn Văn T1, sinh năm 1999; Nguyễn Văn P, sinh ngày 05/3/2020, hiện đang sống cùng với chị. Nên chị yêu cầu được nuôi cháu P, không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con. Cháu T1 đã trưởng thành không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn T đã được Tòa án tống đạt thông báo thụ lý và các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, nhưng anh T không có văn bản phản hồi về yêu cầu của nguyên đơn và vắng mặt.

Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Tòa án đã triệu tập anh Nguyễn Văn T đến tham dự phiên dự phiên tòa đến lần thứ hai nhưng anh T vẫn vắng mặt, không vì lý do bất khả kháng.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Hội đồng xét xử, Thẩm phán, nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông qua thủ tục niêm yết nơi cư trú của bị đơn nhưng bị đơn vắng mặt. Đối với nguyên đơn có đơn đề nghị vắng mặt, nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

Về hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Nguyễn Ngọc H được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: Chị Huệ xác định có hai người con Nguyễn Văn T1, sinh năm 1999; Nguyễn Văn P, sinh ngày 05/3/2020. Trong suốt quá trình tố tụng anh T vắng mặt không có ý kiến hay yêu cầu gì. Chị H cho rằng các con hiện đang sống cùng với chị và các con có nguyện vọng được ở với chị nên đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung cho H nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con do chị H không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung; nợ chung không yêu cầu giải quyết nên đề nghị không xem xét.

Về án phí: Đề nghị áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí; buộc chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành thụ lý đơn đúng trình tự thủ tục, đúng thẩm giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng

Dân sự, anh T với tư cách là bị đơn trong vụ án có nơi cư trú tại ấp N, xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang nên căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang. Đối với bị đơn trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án Tòa án đã tống đạt văn bản tố tụng cho theo quy định tại Điều 179 của Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng bị đơn vắng mặt không vì lý do bất khả kháng; nguyên đơn có đơn xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Nguyễn Ngọc H với anh Nguyễn Văn T là hôn nhân hợp pháp đã tuân thủ đúng các điều kiện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang, theo thẩm quyền đăng ký kết hôn quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình. Nguyên nhân, dẫn đến ly hôn chị H cho rằng giữa chị và anh T đã không còn tình cảm với nhau thường xuyên cự cải do nên cả hai đã không sống chung với nhau thời gian dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn. Đối với anh T Tòa án đã tiến hành thông báo các thủ tục tố tụng và triệu tập tham gia phiên tòa nhưng anh T không có mặt và không có ý kiến phản hồi về việc ly hôn của chị H. Hội đồng xét xử xét thấy, mục đích hôn nhân là nhằm để xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc, các thành viên phải có nghĩa vụ tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, muốn đạt được điều này vợ chồng cùng xây dựng, nhưng chị H không còn tình cảm vợ chồng với anh T và cả hai đã sống ly thân. Đồng thời, theo xác minh tại địa phương nơi cư trú của anh T xác định hiện tại chị H anh T đã không còn sống chung với nhau. Từ đó, cho thấy tình cảm vợ chồng giữa chị H và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Trong thảo luận và nghị án Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát và chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H đối với anh T.

[2.2]. Về con chung: Chị H xác định có hai người con Nguyễn Văn T1, sinh năm 1999 đã trưởng thành không yêu cầu tòa án giải quyết; Nguyễn Văn P, sinh ngày 05/3/2020 Theo quy định của Luật hôn nhân và đình vợ chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi mọi mặt của con. Trong suốt quá trình tố tụng anh T đều vắng mặt không cung cấp tài liệu chứng cứ hay ý kiến gì về việc chị H không

đảm bảo điều kiện nuôi con. Theo ý kiến chị H từ khi vợ chồng ly thân cháu P sống với chị, nhằm giữ sự ổn định và đảm bảo điều kiện tốt nhất cho sự phát triển của con, nghị nên tiếp tục giao cháu Phát cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị H không yêu cầu.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con mà không ai được cản trở.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị H xác định không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4]. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, chị H phải chịu án phi ly hôn là 300.000 đồng, khấu trừ tạm ứng án phí chị H đã nộp 300.000đ theo Biên lai thu của Cơ quan Thi hành án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39; Điều 144; Điều 147, Điều 227; Điều 228; Điều 235; 266; 271; 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Áp dụng Điều 51; 53; 56; 58; 81; 82; 83; 84; 110; 116; 117 và 118 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Ngọc H được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn văn P, sinh ngày 05/3/2020, cho chị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con, do chị H không yêu cầu. Cháu T1 đã trưởng thành không yêu cầu tòa án giải quyết.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Án phí sơ thẩm: Chị H phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng, khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu số 0002427 ngày 21 tháng 12 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

5. Quyền kháng cáo: Chị H, anh T vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện Giòng Riềng;
- CCTHADS huyện Giồng Riềng;
- Các đương sự;
- UBND xã;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hồ Ngọc Luân

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**